

Bản án số: **1014/2017/HNGĐ-PT**
Ngày: 15-11-2017
Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương.

Bà Châu Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2017/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 833/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2453/2017/QĐXXPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

Ông Võ Trí T, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Đường C, Phường Z, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Trí T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày như sau:

Bà và ông Võ Trí T tự nguyện chung sống từ năm 2000, đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 140 quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006. Quá trình chung sống, ngoài những mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng về quan điểm sống, ông T thường có những lời nói xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, có hành vi đánh đập bà và phải nhờ đến sự can thiệp của tổ dân phố. Trong cuộc sống, ông T thể hiện là người chồng, người cha thiếu trách nhiệm, không chăm lo cho gia đình và các con. Vào năm 2015, bà và ông T đã từng một lần yêu cầu Tòa án nhân dân Quận T công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau đó ông T thay đổi ý kiến và rút đơn yêu cầu. Hiện nay, vợ chồng bà đã không còn chung sống với nhau, ông T chuyển về sống tại Đường C, Phường Z, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Trí T để bà có thể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Võ Trí T có 02 con chung, gồm: Võ Trí Minh Trường T, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Võ Trí Tân Trường T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Trí T vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 833/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn ông Võ Trí T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Võ Trí Minh Trường T, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Võ Trí Tân Trường T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011 cho

bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông T đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung khi ly hôn; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 8 năm 2017, bị đơn ông Võ Trí T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do ông hoàn toàn không biết việc Tòa án nhân dân Quận T thụ lý giải quyết vụ án ly hôn do bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện, ông không được triệu tập tham gia các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, xác định kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông T cho rằng ông không đăng ký tạm trú tại địa chỉ đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, chữ ký và chữ viết tại Đơn xin xác nhận tạm trú ngày 19 tháng 6 năm 2016 của Công an Phường 16, Quận T không phải của ông; Tòa án nhân dân Quận T tổng đạt các văn bản đến địa chỉ nêu trên và lấy đó làm cơ sở giải quyết vắng mặt đối với ông là không đúng. Ông không đồng ý ly hôn, do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn với lý do ông T có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú cùng bà tại địa chỉ đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T, ông T có mặt nhưng từ chối nhận văn bản. Bà thừa nhận chữ ký tại Đơn xin xác nhận tạm trú ngày 19 tháng 6 năm 2016 của Công an Phường 16, Quận T không phải của ông T mà do bà ký để bổ túc hồ sơ nộp cho Tòa án. Do cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không thể tiếp tục duy trì, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định địa chỉ Số đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị đơn ông Võ Trí T và thực hiện thủ tục niêm yết công khai, xét xử vắng mặt đối với bị đơn là không có căn cứ. Để đảm bảo quyền nhận thông báo hợp lệ của Tòa án, quyền được tham gia phiên tòa và các quyền khác theo quy định tại Điều 70

Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Trí T làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thủ tục tố tụng do Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện và nhận thấy như sau:

[1] Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ phiếu yêu cầu xác minh số 890/YCXM ngày 13 tháng 8 năm 2017 của Công an Phường 16, Quận T; biên bản tổng đạt không thành (các ngày 10 tháng 02, 09 tháng 3, 03 tháng 7 và ngày 12 tháng 6 năm 2017) ghi nhận bị đơn ông Võ Trí T có mặt nhưng từ chối nhận văn bản để thực hiện thủ tục niêm yết công khai đối với bị đơn tại địa chỉ số đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và giải quyết vắng mặt bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo cho rằng ông không tạm trú, không thực tế cư trú tại địa chỉ đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; ông cũng không nhận được bất kỳ văn bản nào của Tòa án nhân dân Quận T triệu tập đến tòa làm việc trong vụ án ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B. Do đó, ông yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

[2] Về việc xác định nơi cư trú của bị đơn:

Phúc đáp các công văn xác minh số 940/TATP-TGĐVNCTN và 941/TATP-TGĐVNCTN cùng ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công an Phường 14, Quận 6 và Phường 16, Quận T xác định: Ông Võ Trí T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đường C, Phường Z, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 17 tháng 8 năm 1996 nhưng không thường xuyên sinh sống tại đây; ông T cư trú tại nhiều nơi khác nhau. Từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay, ông T có thực tế cư trú tại địa chỉ đường P, Phường X,

Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ trước đến nay đều không đăng ký tạm trú.

Đối chiếu với quy định tại Điều 12 Luật Cư trú năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013: Nơi cư trú của công dân là chỗ ở hợp pháp mà người đó thường xuyên sinh sống, là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú. Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống ngoài nơi đăng ký thường trú và đã đăng ký tạm trú. Trong trường hợp cụ thể này, địa chỉ số đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh không thể được coi là nơi cư trú của bị đơn Võ Trí T để Tòa án nhân dân Quận T thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục niêm yết đối với bị đơn:

Tòa án nhân dân Quận T căn cứ các biên bản tổng đạt không thành ghi nhận bị đơn ông Võ Trí T có mặt nhưng từ chối nhận văn bản để thực hiện thủ tục niêm yết công khai đối với bị đơn tại địa chỉ số đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là không hợp lệ. Bởi lẽ, theo quy định tại Khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, trường hợp người được tổng đạt từ chối nhận văn bản tố tụng thì người thực hiện tổng đạt lập biên bản nêu rõ lý do của việc từ chối, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc công an xã, phường, thị trấn về việc người đó từ chối nhận văn bản tố tụng.

Ngoài ra, nội dung Phiếu yêu cầu xác minh số 890/YCXM ngày 13 tháng 8 năm 2017 của Công an Phường 16, Quận T thể hiện: Đương sự Võ Trí T, sinh năm 1964 có tạm trú tại đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại căn hộ trên hiện đang có 06 nhân khẩu đang thực tế cư ngụ nhưng danh sách không bao gồm ông Võ Trí T. Tòa sơ thẩm không tiến hành xác minh lại để làm rõ tình trạng cư trú của bị đơn mà thực hiện thủ tục niêm yết công khai rồi xét xử vắng mặt bị đơn là không đảm bảo quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án của đương sự.

Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về nội dung: Yêu cầu của các bên đương sự sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án;
- Áp dụng Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn ông Võ Trí T vì làm trong thời hạn luật định.

II. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 833/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001816 ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được xử lý khi Tòa án giải quyết vụ án.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Võ Trí T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013158 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Quận T, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận T, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN THẨM PHÁN THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương

Châu Thị Diệp

Nguyễn Văn Tuấn